

Bản án số: 46/2024/LĐ-ST
Ngày: 16-9-2024
V/v Tranh chấp về bảo
hiểm xã hội.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Phạm Tú Nhi – Cử nhân luật;
- Ông Đoàn Nam Lê Thiện - Phó chủ tịch liên đoàn lao động thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Duy Long - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Vào ngày 16 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Lao động thụ lý số 215/2024/TLST-LĐ ngày 14 tháng 8 năm 2024 về việc “Tranh chấp về bảo hiểm xã hội” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2024/QĐXXST-LĐ ngày 29 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2024/QĐST-LĐ ngày 13 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phan Văn T, sinh năm 1992; thường trú: Xóm Q, xã K, huyện T, tỉnh Nghệ An; địa chỉ liên hệ: Số 36D8/8D khu phố Đ, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương, (có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

- Bị đơn: Công ty H; trụ sở chính: 19/7 V, khu phố 2, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên hệ: số 4, đường K, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: ông Nguyễn Thanh Đ, sinh năm 1970; địa chỉ: D10-08 Oriental Plaza số 683 Âu Cơ, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; là người đại diện theo ủy quyền, (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bảo hiểm xã hội Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; trụ sở: Số 400 đường Đ, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Lê Bảo V, sinh năm 1973; địa chỉ: Số 400 đường Đ, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền, (có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Phan Văn T trình bày:

Ông Phan Văn T làm việc tại Công ty H (gọi tắt là Công ty H) có địa chỉ Số 4, đường K, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Ông T bắt đầu làm việc từ tháng 09/2020 đến tháng 02/2023 giữa hai bên có ký kết hợp đồng lao động. Tuy nhiên trên thực tế Công ty H không đưa cho ông T bất kỳ hợp đồng lao động nào. Ông T làm việc ở Công ty H với vị trí nhân viên kiểm hàng với mức lương cơ bản 8.000.000 đồng, ngoài ra còn phụ cấp khác là 2.000.000 đồng, tổng tiền lương là 10.000.000 đồng. Trong thời gian ông T làm việc ở công ty hàng tháng công ty đều trích giữ lại một phần lương của ông T tương ứng với phần trăm đóng bảo hiểm xã hội theo quy định. Tuy nhiên, từ tháng 09/2020 đến tháng 02/2023 Công ty H vẫn chưa đóng bảo hiểm cho ông T. Tại đơn khởi kiện, ông T yêu cầu Buộc Công ty H đóng bảo hiểm xã hội cho ông T tháng 9/2020 đến tháng 02/2023 và lập hồ sơ xác nhận thời gian đóng bảo hiểm xã hội của ông T trong khoảng thời gian từ tháng 10/2014 đến tháng 6/2024.

Tuy nhiên, căn cứ vào chứng cứ do Bảo hiểm xã hội Thành phố T cung cấp, ông T xác định lại yêu cầu khởi kiện như sau: Buộc Công ty H đóng và xác nhận thời gian tham gia bảo hiểm xã hội cho ông T từ tháng 10/2020 đến tháng 02/2023, đóng và xác nhận thời gian tham gia bảo hiểm thất nghiệp cho ông T từ tháng 12/2020 đến tháng 02/2023.

- Tại văn bản ý kiến ngày 20/8/2024, văn bản trình bày ý kiến bổ sung và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Nguyễn Thanh Đ trình bày:

Công ty H xác nhận chưa đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 10/2020 đến tháng 02/2023, chưa đóng bảo hiểm thất nghiệp từ tháng 12/2020 đến tháng 02/2023 cho ông Phan Văn T và chưa lập hồ sơ xác nhận quá trình đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp cho ông T trong khoảng thời gian nêu trên. Do tình trạng hoạt động kinh doanh hiện tại rất khó khăn vì vậy Công ty H chưa thực hiện nghĩa vụ bảo hiểm xã hội và bảo hiểm thất nghiệp. Nay ông Phan Văn T khởi kiện yêu cầu buộc Công ty H

đóng và xác nhận thời gian đóng bảo hiểm xã hội cho ông T từ tháng 10/2020 đến tháng 02/2023, đóng và xác nhận thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp cho ông T từ tháng 12/2020 đến tháng 02/2023 và thi Công ty đồng ý. Công ty H cam kết thực hiện nghĩa vụ bảo hiểm cho người lao động theo đúng quy định pháp luật.

- *Tại Công văn số 3827/BHXH-TST ngày 21/8/2024, người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội Thành phố T trình bày:* Căn cứ vào dữ liệu ngành bảo hiểm xã hội, người lao động Phan Văn T sinh ngày 12/3/1992, mã số BHXH 7414190760, số CCCD 040092037298) có quá trình tham gia BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN từ tháng 09/2020 đến tháng 02/2023 tại Công ty H với chức vụ nhân viên kiểm hàng với mức đóng BHXH là 8.000.000 đồng. Tính đến tháng 7/2024, Công ty H còn nợ BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN số tiền 1.944.331.112 đồng, hoàn thành BHXH đến tháng 09/2020. Sổ của ông Phan Văn T đã được chốt quá trình BHXH đến tháng 09/2020, chốt quá trình BHTN đến tháng 11/2020.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp về bảo hiểm xã hội phát sinh từ quan hệ lao động với bị đơn. Nguyên đơn lựa chọn Tòa án nơi làm việc giải quyết tranh chấp, cụ thể nơi nguyên đơn làm việc tại số 4, đường K, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Vì vậy, đây là vụ án “Tranh chấp về bảo hiểm xã hội” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương được quy định tại khoản 1 Điều 32, điểm đ khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ Điều 227 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3] Quá trình tố tụng, nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất hai bên có quan hệ lao động, chưa đóng và xác nhận thời gian đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp cho nguyên đơn theo quy định. Đây là sự thừa nhận của các đương sự cho nên không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng:

Căn cứ vào sự thừa nhận của các đương sự có cơ sở xác định giữa nguyên đơn với bị đơn có quan hệ lao động với nhau. Quan hệ lao động giữa nguyên đơn và bị đơn trên tinh thần tự nguyện, không trái quy định của pháp luật nên có giá trị và hiệu lực thi hành. Việc đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc là trách nhiệm của người sử dụng lao động và người

lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 19 “*Trách nhiệm của người lao động 1. Đóng bảo hiểm xã hội theo quy định của Luật này...*” và khoản 2 Điều 21 “*Trách nhiệm của người sử dụng lao động 2. Đóng bảo hiểm xã hội theo quy định tại Điều 86 và hằng tháng trích từ tiền lương của người lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 85 của Luật này để đóng cùng một lúc vào quỹ bảo hiểm xã hội...*” Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014. Theo lời trình bày của người đại diện hợp pháp của Bảo hiểm xã hội Thành phố T xác nhận bị đơn có tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp từ tháng 09/2020 đến tháng 02/2023 cho nguyên đơn. Tuy nhiên, Công ty mới đóng BHXH đến hết tháng 09/2020 và đóng BHTN đến hết tháng 11/2020 nên sổ của ông T đã được chốt quá trình BHXH đến tháng 9/2020, chốt quá trình BHTN đến tháng 11/2020, còn thời gian còn lại do bị đơn còn nợ tiền nên chưa thể chốt sổ bảo hiểm xã hội cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật. Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn cũng thừa nhận chưa đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp cho nguyên đơn từ tháng 10/2020 đến tháng 02/2023; chưa đóng bảo hiểm thất nghiệp cho nguyên đơn từ tháng 12/2020 đến tháng 02/2023. Như vậy, việc bị đơn không đóng tiền bảo hiểm xã hội dẫn đến không xác nhận thời gian đóng bảo hiểm xã hội cho nguyên đơn được là vi phạm đến quyền lợi, hợp pháp của nguyên đơn theo quy định tại khoản 5 Điều 21 “*5. Phối hợp với cơ quan bảo hiểm xã hội trả sổ bảo hiểm xã hội cho người lao động, xác nhận thời gian đóng bảo hiểm xã hội khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc hoặc thôi việc theo quy định của pháp luật*” và là hành vi bị nghiêm cấm quy định tại khoản 1 Điều 17 “*Trốn đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp*” Luật bảo hiểm xã hội năm 2014 nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn đóng và xác nhận thời gian đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp từ tháng 10/2020 cho đến tháng 02/2023; đóng và xác nhận thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp từ tháng 12/2020 cho đến tháng 02/2023 cho nguyên đơn là có căn cứ.

[5] Từ những phân tích trên, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[6] Về án phí lao động sơ thẩm: bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 32, 40, 92, 147, 227, 228, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; căn cứ các Điều 17, 19 và 21 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014; căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn T đối với Công ty H về việc “*Tranh chấp về bảo hiểm xã hội*”.

Buộc Công ty H có trách nhiệm đóng và xác nhận thời gian đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp từ tháng 10/2020 cho đến tháng 02/2023 và bảo hiểm thất nghiệp từ tháng 12/2020 cho đến tháng 02/2023 cho ông Phan Văn T.

2. Án phí lao động sơ thẩm: Công ty H phải chịu 300.000 đồng.

3. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- CCTHADS thành phố Dĩ An;
- Đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hồng